TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH TÂN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 869/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29/6/2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý

2. Bà Bùi Diệu Huệ

Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: ông Phạm Hồng Thương Thương, kểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1735/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/11/2022 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 16/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê T.C.D., sinh năm 1983 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố C.

Tạm trú: xã X, huyện Y, tỉnh Z.

Bị đơn: ông Đặng V.D., sinh năm 1983 (vắng mặt).

Thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2022, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Lê T.C.D., trình bày:

Bà và ông Đặng V.D. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, Thành phố C, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117, quyển số 01/2003, ngày 20/6/2003.

Bà và ông Đặng V.D. sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông D. đánh đập vợ, con, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: có 02 con chung tên Đặng P.H., sinh ngày 08/4/2004 đã trưởng thành và Đặng H.P.sinh ngày 18/8/2009, bà D. có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu P., không yêu cầu ông D. cấp dưỡng.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Lê T.C.D. có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Đặng V.D. vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và đề nghị:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Lê T.C.D. có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đặng V.D., bị đơn cư trú tại số Phường A, Quận B, Thành phố C. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: ông Đặng V.D. đã được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông Đặng V.D. có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn nhưng ông Đặng V.D. vẫn vắng mặt không có lý do, bà Lê T.C.D. có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố dụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[3]. Nội dung tranh chấp:

Bà Dân và ông Đặng V.D. tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có làm đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, Thành phố C vào ngày 20/6/2003. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do ông D. đánh đập vợ, con, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*", ông D. được Tòa án triệu tập nhiều lần mà không có mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa được coi là không có thiện chí hàn gắn, cho thấy tình trạng hôn nhân của ông bà thật sự trầm trọng. Vì vậy, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà D. là có căn cứ nên chấp nhận.

Về con chung: bà D. khai có 02 con chung tên Đặng P.H., sinh ngày 08/4/2004, đã trưởng thành và Đặng H.P., sinh ngày 18/8/2009. Bà D. có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu P., không yêu cầu ông D. cấp dưỡng nuôi con. Xét, yêu cầu của bà D. là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu P. nên Tòa án chấp nhận, giao cho bà D. được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu P..

Về cấp dưỡng nuôi con: bà D. không yêu cầu ông D. cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Tài sản chung: bà Lê T.C.D. đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

Nợ chung: bà Lê T.C.D. khai nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét, ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 9951 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê T.C.D.

Về quan hệ hôn nhân: bà Lê T.C.D. được ly hôn với ông Đặng V.D..

Giấy chứng nhận kết hôn 117, quyển số 01/2003 ngày 20/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, Thành phố C không còn giá trị pháp lý

Về con chung: bà Lê T.C.D. và ông Đặng V.D. có 02 con chung tên Đặng P.H., sinh ngày 08/4/2004, đã trưởng thành và Đặng H.P., sinh ngày 18/8/2009. Giao cháu P. cho bà D. trực tiếp nuôi con.

Cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà D. về việc không yêu cầu ông D. cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: bà Lê T.C.D. đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: bà Lê T.C.D. khai nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Lê T.C.D. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 9951 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Gấm